

Số: 120/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-KĐCL ngày 25/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIV của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-KĐCL ngày 25/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXIV;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXIV ngày 15/10/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục II).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ**

(Kèm theo Nghị quyết số: 120/NQ-HĐKĐCL ngày 16 tháng 10 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3.94	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3.97
Tiêu chuẩn 1	3.80	Tiêu chuẩn 13	4.00
Tiêu chuẩn 2	4.00	Tiêu chuẩn 14	3.80
Tiêu chuẩn 3	4.00	Tiêu chuẩn 15	4.20
Tiêu chuẩn 4	3.75	Tiêu chuẩn 16	3.75
Tiêu chuẩn 5	4.00	Tiêu chuẩn 17	4.25
Tiêu chuẩn 6	4.14	Tiêu chuẩn 18	4.00
Tiêu chuẩn 7	3.80	Tiêu chuẩn 19	3.75
Tiêu chuẩn 8	4.00	Tiêu chuẩn 20	4.00
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4.00	Tiêu chuẩn 21	4.00
Tiêu chuẩn 9	4.00	Mục 4. Kết quả hoạt động	3.69
Tiêu chuẩn 10	4.25	Tiêu chuẩn 22	3.50
Tiêu chuẩn 11	3.75	Tiêu chuẩn 23	4.00
Tiêu chuẩn 12	4.00	Tiêu chuẩn 24	3.75
		Tiêu chuẩn 25	3.50

Phụ lục II**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 120/NQ-HĐKĐCL ngày 16 tháng 10 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của được xây dựng, cập nhật phù hợp với nhiệm vụ và định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hệ thống quản trị, quản lý được thành lập theo quy định; cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được xác định rõ trong quy chế tổ chức và hoạt động. Công tác quy hoạch nguồn nhân lực được thực hiện trên cơ sở chiến lược phát triển của Trường và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng và triển khai phù hợp, đảm bảo nguồn lực cho các hoạt động. Hoạt động hợp tác quốc tế được quy định, hướng dẫn và có các chỉ số để thực hiện.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong khá hoàn thiện với mô hình tổ chức ba cấp. Đội ngũ cán bộ chuyên trách được bồi dưỡng, tập huấn tăng cường năng lực. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong và các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin đã hỗ trợ việc thu nhận, phân tích, sử dụng và lưu trữ thông tin nhanh chóng, thuận lợi. Kế hoạch nâng cao chất lượng mọi mặt hoạt động được xây dựng; quy định về so chuẩn và đối sánh chất lượng các hoạt động được ban hành và triển khai thực hiện; kết quả so chuẩn, đối sánh đã được khai thác để có những cải tiến và hỗ trợ trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được quan tâm với tiêu chí và phương thức được xác định rõ ràng, công bố công khai; quy trình tuyển sinh thực hiện theo quy định. Việc phát triển CTĐT được thực hiện có lộ trình theo quy định, nội dung được cập nhật. Các hoạt động dạy, học phù hợp với định hướng đào tạo và triết lý giáo dục của Trường; môi trường, phương thức học tập và kiểm tra, đánh giá khá đa dạng góp phần tích cực nâng cao năng lực học tập suốt đời cho người học. Hoạt động quan hệ đối ngoại và mạng lưới đối tác trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp được mở rộng, phát huy hiệu quả. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và được triển khai thực hiện hàng năm với các chỉ số thực hiện chính được xây dựng, rà soát, điều chỉnh và được sử dụng để đánh giá, cải tiến. Hệ thống tổ chức, quản lý nghiên cứu khoa học được thiết lập và triển khai có hiệu quả. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng khá đa dạng gắn với thế mạnh của Nhà trường.

4. Về Kết quả hoạt động: Có hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ của người học cũng như các chỉ số về kết quả đào tạo. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp khá cao, tỷ lệ có việc làm đúng ngành tăng dần qua các năm. Việc theo dõi, giám sát để cải tiến chất lượng nghiên cứu khoa học theo loại hình và số lượng các nghiên cứu khoa học, tài sản trí tuệ thực hiện nền nếp; hỗ trợ đăng ký và bảo hộ tài sản trí tuệ được quan tâm bước đầu có kết quả đáng khích lệ. Sản phẩm nghiên cứu khoa học và các hoạt động khoa học công nghệ phong phú, đa

dạng có tiềm năng ứng dụng cao. Số lượng công bố khoa học tăng dần qua các năm. Các loại hình hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng bước đầu được xác lập. Các chỉ số tài chính, chỉ số về kết quả được quan tâm xác lập, giám sát việc thực hiện; nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ trong đó có tư vấn và chuyển giao công nghệ đáng khích lệ.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến nâng cao chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Có các giải pháp hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong xây dựng và phát triển, thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục. Xác định rõ các tiêu chí cụ thể trường đại học định hướng nghiên cứu hàng đầu về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn để xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược hiện thực hóa tầm nhìn và xây dựng văn hóa Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế. Nâng cao năng lực của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong triển khai các hoạt động để phát triển Nhà trường.

2. Áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến và thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và áp dụng hiệu quả quy trình P-D-C-A với sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ về quản trị đại học tiên tiến, về xây dựng và thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển, trách nhiệm giải trình; có giải pháp đảm bảo tính bền vững; quan tâm quản trị rủi ro của hệ thống quản trị dựa vào bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Ban hành các văn bản làm rõ mối quan hệ công tác giữa Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể để phân định rõ hơn về quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện chức năng; có văn bản phối hợp trong thanh kiểm tra, giám sát và xử lý sau giám sát giữa Đảng uỷ, thanh tra, bộ phận giám sát của Hội đồng trường. Chuyển tải đầy đủ nội dung giá trị cốt lõi, nhất là nội dung sáng tạo, hội nhập vào các hoạt động. Định kỳ rà soát, đánh giá sự phù hợp và tính hiệu quả của hệ thống văn bản quản lý, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; quan tâm công tác quy hoạch và bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý.

4. Phân công đơn vị chịu trách nhiệm chính giúp Ban Giám hiệu trong việc theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện chiến lược; sớm ban hành quy trình xây dựng, rà soát kế hoạch chiến lược và các kế hoạch năm học một cách bài bản. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và điều chỉnh các chỉ số, chỉ tiêu phấn đấu chính, giải pháp thực hiện trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến 2030: bổ sung nội dung và hệ thống các chỉ báo (KPIs) cho các lĩnh vực để đo lường và đánh giá; điều chỉnh các lĩnh vực, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với tầm nhìn, giá trị cốt lõi.

5. Rà soát các văn bản theo từng lĩnh vực để cập nhật kịp thời và đồng bộ; ban hành quy định chi tiết về kết nối và phục vụ cộng đồng. Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học phù hợp hướng đến trở thành một đại học định hướng nghiên cứu hàng đầu cả nước về lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn; có các chính sách, đề án cụ thể có tính đột phá về đào tạo, khoa học công nghệ và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng uỷ, Hội đồng trường xuyên suốt và thống nhất.

6. Có những giải pháp đột phá để giữ chân người tài, thu hút được nguồn nhân lực trình độ cao. Có những giải pháp tổng thể hình thành các dự án khoa học công nghệ lớn có khả năng thương mại hóa cao, thu hút được nguồn lực cho phát triển đội ngũ; quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên. Xây dựng và áp dụng hệ thống chỉ tiêu, chỉ số KPIs đánh giá hiệu quả thực hiện công việc và đãi ngộ một cách khoa học, khách quan để tạo động lực cho cán bộ, giảng viên và nhân viên.

7. Đa dạng hóa nguồn thu, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn thu từ đào tạo trong nước và ngân sách nhà nước; tăng nguồn thu từ liên kết đào tạo quốc tế, các hoạt động bồi dưỡng ngắn hạn, khoa học công nghệ; tăng cường hợp tác quốc tế và hợp tác với doanh nghiệp, nhà đầu tư nhằm thu hút nguồn lực và khai thác hiệu quả các cơ sở thực thành, thực nghiệm. Sớm hoàn thiện các dự án xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất tại trụ sở chính; tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực ứng dụng và phát triển theo mô hình đại học thông minh, đại học số hóa; đẩy mạnh công tác số hóa các nguồn học liệu của Thư viện.

8. Rà soát, cập nhật chiến lược phát triển về hợp tác trong nước và quốc tế trong các lĩnh vực thế mạnh truyền thống và các lĩnh vực mới có triển vọng. Cập nhật quy định, hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và hệ thống chỉ số thực hiện và tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các bên. Thực hiện các chính sách, giải pháp nhằm phát triển các mạng lưới hợp tác toàn diện về nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao nhân lực, quy trình sản xuất, sản phẩm chất lượng cao trong lĩnh vực nông lâm; sử dụng hiệu quả hợp tác để cải thiện các hoạt động đào tạo, hỗ trợ người học, tăng nguồn thu và phát triển đội ngũ.

9. Tăng cường nhân lực cho công tác đảm bảo chất lượng; sớm hoàn thiện chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục, các quy định, hướng dẫn phù hợp với các điều kiện, bối cảnh của Trường và đảm bảo các nguồn lực thực hiện. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị và có các hoạt động cụ thể để xây dựng văn hóa chất lượng trước hết là tăng cường phổ biến các chính sách, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng tới các bên liên quan trong trường; rà soát, cải tiến các quy trình lập kế hoạch các mảng hoạt động, các KPIs và chỉ tiêu phấn đấu chính để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.

10. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các cán bộ tham gia tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài; đánh giá thực tế triển khai các quy trình tự đánh giá tại các đơn vị, bộ phận để có các cải tiến, điều chỉnh cần thiết; tìm hiểu kỹ lưỡng nguyên nhân các hạn chế phát hiện qua quá trình tự đánh giá và lập kế hoạch chi tiết, khả thi để khắc phục. Tổ chức các hình thức đa dạng chia sẻ thực hành tốt của các đơn vị để lan tỏa văn hóa chất lượng và nâng cao chất lượng đồng đều cho các đơn vị trong Trường.

11. Thu thập đầy đủ thông tin dữ liệu về các lĩnh vực hoạt động; xây dựng và thực hiện quy trình rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong một cách bài bản, trong đó chú trọng tới khảo sát, phân tích ý kiến các bên liên quan làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến hoàn thiện hệ thống quản lý thông tin để hỗ trợ có chất lượng ra quyết định quản lý. Thường xuyên rà soát, cập nhật các thông tin đảm bảo chất lượng bên trong lên các trang web của Trường và của đơn vị.

12. Xây dựng mạng lưới đối tác đối sánh rộng rãi để sẵn sàng chia sẻ, trao đổi các thông tin, dữ liệu; có hướng dẫn cụ thể, chi tiết về cách thức lựa chọn các kết quả so chuẩn, đối sánh, xác định các thực hành tốt nhằm tăng hiệu quả sử dụng. Phân tích kết quả đối sánh nội bộ qua

các năm làm cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng. Tham khảo quy trình và các tiêu chí đối sánh của các cơ sở giáo dục tiên tiến trong nước, quốc tế để tiếp tục cải tiến chất lượng các hoạt động.

13. Tham khảo rộng rãi các chính sách phát triển và nhu cầu của xã hội để có chính sách đột phá thu hút thí sinh giỏi; đổi mới công tác truyền thông tuyển sinh để cải thiện kết quả tuyển sinh; huy động sự tham gia của các đơn vị và cá nhân và đổi mới nội dung, phương thức truyền thông để tư vấn, định hướng ngành học, đặc biệt là các ngành có tỉ lệ nhập học thấp. Ban hành quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học phù hợp với đặc thù của Trường.

14. Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT và học phần để sử dụng thống nhất; tăng cường nâng cao năng lực giảng viên về phát triển CTĐT, tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra. Rà soát, xác định chính xác mức độ đóng góp của các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT; điều chỉnh diễn đạt chuẩn đầu ra phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường và đảm bảo súc tích, có thể đo lường được. Xây dựng bổ sung các hoạt động thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và rèn luyện cho người học các kỹ năng mềm theo yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0.

15. Có các chính sách hiệu quả, phù hợp để tăng số lượng giảng viên có chức danh nghề nghiệp được thăng hạng, chức danh GS, PGS; tạo môi trường làm việc hấp dẫn, nâng cao chất lượng và điều kiện làm việc, thu nhập để cán bộ, viên chức giảng viên và người lao động thực sự tâm huyết, gắn bó với Trường. Tiếp tục đẩy mạnh liên kết với các doanh nghiệp để gửi sinh viên đi thực tập thực tế; tạo điều kiện tốt hơn nữa để SV tham gia các hoạt động sáng tạo khởi nghiệp, thực hiện các dự án/ đề tài nghiên cứu hoặc ứng dụng triển khai.

16. Có quy định, hướng dẫn lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra và quy trình phân tích kết quả thi để đảm bảo độ tin cậy, độ phân biệt; xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá chuẩn đầu ra của các CTĐT. Tổ chức xây dựng và phát triển ngân hàng đề thi; đa dạng các hình thức đánh giá, chú trọng hơn các hình thức thi vấn đáp, đồ án, thuyết trình, ... để đánh giá được đầy đủ năng lực của người học, nhất là các năng lực tư duy bậc cao.

17. Tăng cường sự gắn kết, phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong hoạt động hỗ trợ người học; đổi mới các hoạt động thường niên, phối hợp chặt chẽ các hoạt động của Đoàn Thanh niên với các chi đoàn cán bộ, các khoa chuyên môn và các trung tâm nghiên cứu để tăng cường các hoạt động rèn luyện cho người học năng lực số, kỹ năng 4C... Thực hiện chính sách/ chế tài tăng cường các hoạt động hỗ trợ phát triển năng lực nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp; thành lập bộ phận tư vấn tâm lý học đường, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.

18. Rà soát chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học công nghệ và các cơ chế, chính sách hiện hành để khuyến khích và thúc đẩy cán bộ, giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học; tăng cường đối sánh để đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu; có giải pháp thúc đẩy mạnh và tạo nguồn thu từ chuyển giao kết quả khoa học công nghệ, thương mại hóa. Tiếp tục xây dựng, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, các chương trình nghiên cứu khoa học liên ngành có khả năng ứng dụng cao; tăng cường liên kết, hợp tác các địa phương, doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài nước trong nghiên cứu và chuyển giao.

19. Có chính sách hỗ trợ để thúc đẩy các nhà khoa học triển khai đăng ký bản quyền sáng chế, bằng giải pháp hữu ích nhiều hơn cho các sản phẩm nghiên cứu khoa học; Xác định rõ danh mục tài sản trí tuệ của Trường; đánh giá, cải tiến công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ và bảo hộ phù hợp. Có chiến lược và các giải pháp cụ thể cho việc tăng nhanh hoạt động chuyển giao, thương mại hóa để khai thác thương mại tài sản trí tuệ của Trường và đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ cộng đồng.

20. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý, có đầu mối theo dõi hợp tác trong nước; xây dựng kế hoạch thực hiện và các KPIs đánh giá mạng lưới đối tác và các hợp tác trong khoa học công nghệ; tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể các nội dung hợp tác để hoàn thiện chính sách và có cơ chế triển khai hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học sâu rộng hơn, đặc biệt là hợp tác quốc tế trong các nghiên cứu đỉnh cao, liên ngành. Thực hiện liên kết, hợp tác doanh nghiệp trong nước để phát huy được tiềm năng, thế mạnh của Trường, thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư để tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ hơn thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học.

21. Hoàn thiện chính sách, cập nhật các mục tiêu, chỉ số phấn đấu chính và giải pháp thực hiện hiệu quả các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng; phân công đơn vị phụ trách giám sát, có hướng dẫn chi tiết để thu hút đông đảo cán bộ, giảng viên, sinh viên, mạng lưới hợp tác trong và ngoài nước tham gia. Huy động hiệu quả các hợp tác với doanh nghiệp, địa phương để triển khai thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng gắn kết với hoạt động đào tạo, nghiên cứu, học tập. Xây dựng nội dung, hướng dẫn và cập nhật kết quả khảo sát về sự hài lòng của các bên liên quan đối với từng hoạt động phục vụ cộng đồng.

22. Đánh giá, phân tích dữ liệu về người học để xác lập các chỉ số về tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, dự đoán tỷ lệ sinh viên có việc làm và khả năng/mức độ hài lòng của các bên liên quan với SV sau tốt nghiệp một cách đầy đủ, khoa học, theo từng CTĐT; xây dựng các giải pháp bảo đảm và cải tiến chất lượng. Có các giải pháp hỗ trợ sinh viên để giảm tỉ lệ bỏ học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình. Thực hiện đầy đủ, bài bản hơn việc khảo sát, đối sánh kết quả đào tạo trong nội bộ Trường và với các cơ sở giáo dục khác.

23. Tăng cường huy động, tìm kiếm nguồn kinh phí ngoài ngân sách cho nghiên cứu khoa học và khai thác hết tiềm năng nghiên cứu đa ngành, liên ngành của Trường. Thiết lập hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan một cách hoàn chỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích đánh giá và sử dụng kết quả để cải tiến các chính sách, cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và khai thác tài sản trí tuệ. Có giải pháp đẩy mạnh sản phẩm nghiên cứu khoa học, tạo lập và khai thác tài sản trí tuệ.

24. Hoàn thiện danh mục hoạt động phục vụ cộng đồng với các chỉ số tương ứng để đo lường; xây dựng hệ thống dữ liệu chung về loại hình và khối lượng, kết quả tham gia của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học. Xây dựng và triển khai kế hoạch đánh giá một cách bài bản, khoa học tác động của các hoạt động phục vụ cộng đồng tới cộng đồng xã hội, những người thụ hưởng và cả những người tham gia thực hiện để cải tiến chất lượng.

25. Có giải pháp đột phá để đa dạng hóa nguồn thu; đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ qua các đề tài /dự án trong và ngoài nước; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của các cơ sở thực hành, thực tập nhằm nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ, nguồn thu và cải thiện được các chỉ số tài chính và thị trường. Xác định các chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo,

nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng: chỉ số cạnh tranh, thị phần, thứ hạng và lựa chọn đối tác đối sánh theo tầm nhìn và xây dựng hệ thống giám sát tổng thể kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động; xây dựng lộ trình lựa chọn tham gia xếp hạng trong và ngoài nước.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
